Ch10 - Mười Pháp - I. Phẩm Lợi Ích (Ānisaṃsavagga)

Kinh Tăng Chi Bộ (VNC PHVN, 2021)

CHƯƠNG X MƯỜI PHÁP (DASAKANIPẴTA)

L PHẨM LỢI ÍCH (ÃNISAMSAÈ4GGA)

I. KINH Ý NGHĨA GÌ (Kimatthiyasuttd) (4 V. 1) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Roi Ton gia Ananda di den The Ton; sau khi đen, aann le The Ton roi ngoi xuong một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? —Này Ananda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc,1 2 có lợi ích không có hối tiếc. Nhimg bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì? Này Ananda, không có hôi tiêc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Nhưng bạch Thế Tôn5 khinh an có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. Nhtrng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Nhimg bạch Thế Tôn? định có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? Này Ãnanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham.

1 Tham chiếu: Hà nghĩa kỉnh (7.01. 0026.42. 0485al3).

2 Avippatỉsãra. Xem 4 III. 21; D. I. 73; s. IV. 351.

—Nhimg bạch Thế T6n, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì5 có lợi ích gì? —Này Ananda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến; có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy? này Ananda, các thiện giới có ý nghĩa không hôi tiêc5 có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ? có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc5 có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định5 có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán5 ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiên; có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy5 này Ananda, các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng. II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (Cetanãkaranĩyasutta)3 (4 V. 2) 2. Này các Tỷ-kheo, với người có giói, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ-kheo, với người có giới5 có giới đầy đủ5 không hối tiếc sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta." Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, với người không hối tiếc, hân hoan sanh khởi. Này các Tỷ-kheo? với người có hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng

hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, với người có hân hoan, hoan hỷ sanh khởi. Này các Tỷ-kheo5 với người có hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng thân ta được khinh an.” Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo? với người có hoan hỷ5 thân được khinh an. Này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng ta cảm thọ an lạc.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: "Mong răng tâm ta được thiên djnh." Pháp nhĩ là vậy? này các Tỷ-kheo, với người có an lạc5 tâm được thiền định. Này các Tỷ-kheo, với người có thiên định, không cân phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta biết, ta thấy như that." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người có tâm thiền định5 biết và thấy như thật. Này các Tỷ-kheo5 người biêt và thây như thật, không cân phải làm với dụng ý: “Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham.,, Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham.

3 Tham chiếu: Bất tư kỉnh (7.01. 0026.43. 0485ỒỈ9).

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1135

Này các Tỷ-kheo5 người nhàm chán và ly tham không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến.,, Pháp nhĩ là vậy9 này các Tỷ-kheo, người nhàm chán và ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nhàm chán và ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến; như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán và ly tham, có lợi ích nhàm chán và ly tham; định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến; an lạc có ý nghĩa định? có lợi ích định; khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc; hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an; hân hoan có ý nghĩa hỷ, có lợi ích hỷ; không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan; các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Như vậy9 này các Tỷ-kheo9 các pháp khiến cho các pháp [khác] tăng thịnh;4 các pháp khiến các pháp [khác] viên mãn9 đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. III. KINH SỞ Y THỨ NHẤT (PaḶhamaupanisasutta)5 (4 V. 4) 3. Này các Tỷ-kheq? với ác giới, với phá giới, không hối tiếc, sở y bị diệt.6 Với không có không hối tiếc, với không hối tiếc không đầy đủ5 hân hoan sở y bị diệt. Với hân hoan không co, với hân hoan không đầy đủ9 hỷ sở y bị diệt. Với hỷ không c6, với hỷ không đầy đủ? khinh an sở y bị diệt. Với khinh an không c6, với khinh an không đầy đủ, an lạc sở y bị diệt. Với an lạc không có, với an lạc không đầy đủ? chánh định sở y bị diệt. Với chánh định không có? với chánh định không đầy đủ5 như thật tri kiến sở y bị diệt. Với như thật tri kiến không c6, với như thật tri kiến không đầy đủ5 nhàm chán, ly tham sở y bị diệt. Với nhàm chán, ly tham không có; với nhàm chán, ly tham không đầy đủ5 giải thoát tri kiến sở y bị diệt. Ví nhu, cây không đủ cành và lá, các mầm non (cũng có nghĩa là vỏ ngoài) của cây ấy không đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy. này các Tỷ-kheo. với ác giới, với phá giới, không hối tiếc sở y bị diệt, yới không hối tiếc không c6, với không hối tiếc không đầy đủ... giải thoát tri kiến sở y bị diệt. Này các Tỷ-kheo? với giới có mặt, với giói có đầy đủ? không hối tiếc có sở y. Với không hôi tiêc có mặt, với không hôi tiêc có đây đủ5 hân hoan có sở y. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy

đủ? hoan hỷ có sở y. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ9 khinh an có sở y. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ5 an lạc có sở y. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy dủ, chánh định có sở y. Với chánh định có mặt5 với chánh định có đầy đủ9 như thật tri kiến có sở y. Với như thật tri kiến có mặt5 với như thật tri kiến có đầy đủ5 nhàm chán, ly tham có sở y. Với nhàm chán, ly tham có mặt; với nhàm chán, ly tham có

4 Dhammã dhamme abhỉsandentỉ,... parỉpũrentỉ. Xem D. I. 73. 5 Bặn tiếng Anh của PTS: Basis (a) (by a Teacher), nghĩa là Sởy (do đức Đạo sư thuyết). Kinh 3, 4, 5 đồng tham chiếu: Niệm kỉnh (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quỷ (7.01. Q026.45- 46. 0486a05-21); Giới kinh ã (T.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); Cung kính kỉnh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(T.02. 0099.495. 0129a09). 6 Hatũpaniso. Chủ giải viết hatakãrano, nghĩa là đưa đến hoại diệt.

đây dủ, giải thoát tri kiên có sở y. Ví như, này các Tỷ-kheo? một cây có đây đủ cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với giới có mặt, với giới có đầy đủ5 không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ... giải thoát tri kiến có sở y. IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (Dutiyaupanisasuttà)1 (4 V. 5) 4. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "T6n giả Sãriputta thuyết789). V. KINH SỞ Y THỨ BA (Tatìyaupanisasuttdỷ (A. V. 6) 5. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Ãnanda thuyết").

VI. KINH ĐỊNH (Samãdhisuttấỷ (A. V. 7) 6. Bấy giờ? Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy? vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât? trong nước không tưởng đên nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gi6, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ? trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy5 vị ấy vẫn có tưởng? -Này Ảnanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât9 trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. - Nhimg bạch Thế Ton, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đên thê giới đời sau; tuy vậy, vị ây vân có tưởng? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Bây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niet-bàn.^, Như vậy? này Ãnanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị

ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước

7 Bản tiếng Anh của PTS: Basis (b) (by Sārìputtă), nghĩa là Sởy (do Tôn giả Sārỉputta thuyết). 8 Bản tiếng Anh của PTS: Basis (c) (by Ẫnandă), nghĩa là Sởy (do Tồn giả Ẫnanda thuyết). 9 Bản tiếng Anh của PTS: Concentration (a) (by a Teacher), nghĩa là Định (do bậc Đạo sư thuyết).

không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. VII. KINH TÔN GIẢ SÃRIPUTTA (Sãriputtasutía)ÌQ (Ắ. V. 8) 7. Bấy giờ, Tôn giả Ảnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Sãriputta: _ Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chưng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? Này Hiền giả Ãnanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. Nhưng thưa Hiền giả Sãriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ấy có thê trong đất không tưởng đên đât... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy? vị ây vẫn có tưởng? Này Hiền giả Ãnanda, một thời, ở dây, tôi trú ở Sãvatthi, trong rừng Andha. Tại dây, tôi chứng được thiền định như sau: Trong dất, tôi không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau, tôi không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, tôi vẫn có tưởng. Nhimg trong lúc ấy, Tôn giả Sãriputta tưởng đến gì? Một tưởng khác khởi lên trong toi: "Hữu diệt là Niết-bàn?5 Một tưởng khác diệt đi trong tôi: "Hữu diệt10 là Niết-bVí như5 này Hiền giả, lửa được 1112 đốt cháy từ mảnh đá nhỏ, một ngọn lửa khác khởi lên, một ngọn lửa khác diệt đi. Cũng vậy? nàỵ Hiền giả, một tưởng khác khởi lên trong tôi, thưa Hiền giả: “Hữu diệt là Nigt-bn." M* tưởng khác diệt đi trong tôi: “Hữu diệt là Niết- bàn"; tuy vậy, trong lúc ấy tôi vẫn có tưởng. VIII. KINH NHẬP THIỀN (Jhãnasutta)n (A. V. 10) 8. Vị Tỷ-kheo có lòng tin, này các Tỷ-kheo, nhimg không có giới. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: 4íLàm thế nào để ta có lòng tin và có giới nữa?" Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và có giới, như vậy về chi phần ấy, Tỷ-kheo có viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không có nghe nhiều;... có nghe nhiều nhưng không có nói pháp;... có nói pháp nhưng không

10 Bản tiếng Anh của PTS: Concentration (b) (by Sāriputtă), nghĩa là Định (do Tôn giả Sārỉputta thuyết). 11 Chỉ cho tái sanh. 12 Bản tiếng Anh của PTS: The Believer, nghĩa là Người có lòng tin.

thường tham gia với hội chúng;... thường tham gia với hội chúng nhimg không vô úy thuyết pháp cho hội chúng;... vô úy thuyết pháp cho hội chúng nhxmg không trì luật;...

có trì luật nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhưng đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, khônệ có được không khó khăn, không mệt nhọc, không phí sức;... đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc? có được không phí sức nhimg không do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng n^ộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy5 vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: 6CLàm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc5 có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vê chi phân này, vị ây được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện. IX. KINH TỊCH TỊNH GIẢI THOÁT (Santavimokkhasutta) (^. V. 11) 9. (Như kinh 8 ở trên5 cho đến Tà người ở rừng, ở các trú xứ vắng,,). ... có trì luật, nhung không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhung đối với các tịch tịnh giải thoát13 vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy không cảm giác với thân và an trú; ... đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; nhưng do không đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy? về chi phần này, vị ấy không viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; VỒ úy thuyêt pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa văng;

13 Xem4 II. 183. về tám pháp giải thoát này do thân chứng, xem/. IV. 306; D. IL 111.

đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, ta có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có gi&i; có nghe nhiều; có thuyêt pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyêt pháp cho hội chúng; là vị trì luật; là vị ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát;

như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện. X. KINH VỚI CÁC MINH (Vijjasutta) (4 V. 12) 10. (Như kinh trên cho đến ấy trì luật\..)... là người trì luật, nhưng khônệ nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời5 hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sổng trước với các chi tiết và các đặc điểm9 nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm nhưng không với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ... vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ nhxmg không do đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không được viên mãn. Vị ây cân phải làm cho viên mãn chi phân ây5 nghĩ răng: "Làm thê nào ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúnệ vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; có thể nhớ đến nhiều đời sông trước như một đời? hai đời... có thê nhớ đên nhiêu đời sông trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giAi thot?" Này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; là vị thuyết pháp; thườnệ tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; nhớ đên nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ? chứng đạt và an trú; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, viên mãn trong mọi phương diện.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.